|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH GIA LAI**  Số: 21/2020/QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độclập – Tự do – Hạnhphúc**  *Gia Lai, ngày28tháng 7năm 2020* |
| **QUYẾT ĐỊNH**  **Quy địnhgiánướcsạch sinh hoạt đô thịtrênđịabàn**  **huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai** | |

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giá năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 117/2007/NĐ-CPngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư Liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2012 của Liên Bộ Tài chính, Xây dựng và Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 127/TTr-STC ngày 16 tháng 4 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định giá nước sạch sinh hoạtđô thị trên địa bàn huyệnĐức Cơ, tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Hộ gia đình sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt.

b)Đơn vị cấp nước.

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 2.** Quy định giá nước sạch sinh hoạt

1. Giá nước đối với hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số: 4.234đồng/m3.

2.Giá nước đối với các hộ gia đình khác:

a) Mức từ 1-10 m3 đầu tiên (hộ/tháng): 5.645đồng/m3

b) Mức từ trên 10-20 m3 tiếp theo (hộ/tháng): 7.056đồng/m3

c)Mức từ trên 20-30 m3 tiếp theo (hộ/tháng): 8.114đồng/m3

d) Mức trên 30 m3 (hộ/tháng): 8.467đồng/m3

3. Giá nước quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều nàychưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng và các loại phí theo quy định của pháp luật.

**Điều3.**Tổ chức thực hiện

1. Đơn vị cấp nước có trách nhiệm thực hiện đúng giá nước quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan.

2.Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ thường xuyên kiểm tra việc thực hiện giá nước đúng theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.**Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày01 tháng01 năm 2021 và thay thế Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 01/11/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia lai về việc quy định giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ.

**Điều 5.** ChánhVănphòngUBND tỉnh; GiámđốccácSở: Tàichính, Xâydựng, NôngnghiệpvàPhát triển nông thôn;Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ;thủ trưởng đơn vịcấpnướcvàthủtrưởngcáccơ quan, đơn vị, cá nhânliênquanchịutráchnhiệmthihànhQuyếtđịnhnày./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

**(đã ký)**

**Nguyễn Đức Hoàng**

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH GIA LAI**  Số: /QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độclập – Tự do – Hạnhphúc**  *Gia Lai, ngày tháng 7 năm 2020* |
| **QUYẾT ĐỊNH**  **Phê duyệt phương án giá nước sạch trên địa bàn huyện Đức Cơ, do Đội**  **Công trình giao thông và Dịch vụ đô thị huyện Đức Cơ sản xuất và cung cấp** | |

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giá năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 117/2007/NĐ-CPngày 11/7/2007 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư Liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Liên Bộ Tài chính, Xây dựng và Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 127/TTr-STC ngày 16/4/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án giá nước sạch trên địa bàn huyện Đức Cơ, doĐội Công trình giao thông và Dịch vụ đô thị huyện Đức Cơ sản xuất và cung cấp, với những nội dung chủ yếu như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Chỉ tiêu** |
| 1 | Nguồn nước sản xuất nước sạch | Nguồn nước ngầm |
| 2 | Công suất của nhà máy theo thiết kế | 2.150m3/ngày đêm |
| 3 | Công suất hoạt động hiện tại | 467m3/ngày đêm |
| 4 | Tỷ lệ nước hao hụt | 18% |
| 5 | Sản lượng nước sản xuất trong năm | 170.366 m3/năm |
| 6 | Sản lượng nước thương phẩm | 139.700 m3/năm |
| 7 | Giá thành toàn bộ 1 m3 nước sạch | 7.056 đồng/m3 |
| 8 | Khấu hao tài sản tính vào giá thành | 68.676.000 đồng/năm |
| 9 | Giá nước bình quân (chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng và các loại phí theo quy định) | 7.056đồng/m3 |

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Đội Công trình giao thông và Dịch vụ đô thị huyện Đức Cơ có trách nhiệm sản xuất và cung cấp nước sạch đúng theo quy định pháp luật và phương án giá nước đã được phê duyệt tại Quyết định này; quyết định giá nước sạch cho các mục đích khác (ngoài giá nước sạch sinh hoạt) phù hợp với phương án giá sau khi có ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ.

2.Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ có trách nhiệm công khai thông tin, tổ chức tuyên truyền, giải thích về giá nước sạch để tạo sự đồng thuận trong nhân dân và các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đứng chân trên địa bàn quản lý.

3. Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ theo chức năng, quyền hạn từng lĩnh vực được giao chủ động hoặc phối hợp kiểm tra, hướng dẫn đơn vị sản xuất và cung cấp nước thực hiện đúngquy định pháp luật và phương án giá nước đã được phê duyệt.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế; Chủ tịch UBND huyện Đức Cơ; thủ trưởng đơn vị cấp nước và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơinhận:***  - NhưĐiều3;  - Thườngtrực HĐND tỉnh;  - Đ/c Chủtịch UBND tỉnh;  -Các đ/c PCT UBND tỉnh;  - Các PCVP UBND tỉnh;  - Sở Tư pháp;  - Lưu: VT, CNXD, KTTH. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Đức Hoàng** |